

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **192/2020/DS-ST**

Ngày: 31/7/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Y**

2. Bà **Trần Ngọc Bảo Châu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **173/2020/TLST - DS** ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **73/2020/QĐXXST-DS** ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa:

1. **Nguyên đơn:** **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp 6, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

2. **Bị đơn:** **Lê Thị B**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/5/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh có tham gia 01 dây hụi 1.000.000đồng, do chị Lê Thị B làm chủ hụi, ngày khai hụi 07/6/2018. Dây hụi có 30 phần, anh đã đóng 29 phần, tới lượt anh

hốt chót vào ngày 25/10/2019, được 30.000.000đồng, chị B đưa trước cho anh 3.500.000đồng nói vài ngày sau giao đủ, nhưng sau đó chị B trốn luôn cho đến nay. Như vậy, chị B còn thiếu anh 26.500.000đồng nợ hội chưa giao.

Nay khởi kiện anh yêu cầu chị B trả cho anh 30.000.000đồng tiền hội, có căn trừ với số tiền chị B đưa trước cho anh là 3.500.000đồng.

** Trong suốt quá trình hòa giải, công khai chứng cứ, bị đơn Lê Thị B nhiều lần vắng mặt không có lý do. Đến ngày 30/7/2020, bị đơn Ba có bản tự khai và đơn xin vắng mặt gửi Tòa án.*

Trong bản tự khai chị Lê Thị B trình bày, chị là chủ hội, anh L là hội viên có tham gia dây hội 1.000.000đồng do chị tổ chức, mở khai ngày 07/6/2018, tháng khai 02 lần. Anh L đóng được 14 tháng với tổng số tiền 16.800.000đồng, đây là dây hội bể. Lý do bể hội, do có nhiều hội viên nhiều lần không đóng tiền hội sau khi hốt hội, chị chàn hội cho nhiều người bằng tiền của chính chị, lâu dần không thể chàn được nữa, một phần con nhỏ của chị bị bệnh nặng, nên chị có trao đổi với hội viên ngưng khai hội một thời gian, để sức khỏe con chị ổn định về chị sẽ giải quyết thỏa đáng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay

Anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị B trả cho anh tiền nợ hội là 16.800.000đồng, trả dần hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng, bắt đầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, trả liên tiếp trong nhiều tháng cho đến khi trả đủ 16.800.000đồng.

Chị B có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của anh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị B có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn đề ngày 30/7/2020). Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn Lê Thị B.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có văn bản thừa nhận là nguyên đơn có tham gia đây hội tháng 1.000.000đồng do bị đơn làm chủ hội. Số tiền nợ hội bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn là 16.800.000đồng, tại tòa nguyên đơn cũng thống nhất chốt nợ hội, chấp nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn 16.800.000đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật, nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Hơn nữa, nguyên đơn cũng đồng ý cho bị đơn trả dần số nợ hội 16.800.000đồng hàng tháng với số tiền là 1.000.000đồng, bắt đầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, trả liên tiếp trong nhiều tháng cho đến khi trả hết nợ hội. Xét yêu cầu này hoàn toàn có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định tại Điều 5, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 5; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

Buộc chị Lê Thị B trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền nợ hụi là **16.800.000 (Mười sáu triệu tám trăm ngàn) đồng.**

Cách thức trả: Trả dần hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, trả liên tiếp trong nhiều tháng cho đến khi hết số tiền nợ hụi nói trên.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ hụi cho anh L thì chị B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị B phải chịu **840.000đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí **750.000đồng** theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002816 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Các đương sự
- Lưu HSAV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI